TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2019
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Ngọc Cẩm Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Mười

2/ Bà Phạm Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tham gia phiên tòa: Bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thùy L, sinh năm 1991. Có mặt.

Nơi cư trú: Số 255A ấp N, xã T, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 249/3 ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2019 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Đặng Thùy L trình bày:

Chị và anh T quen biết nhau và cưới nhau vào năm 2016 hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/4/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc tại địa chỉ số 249/3 ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và có với nhau được một con chung nhưng sau đó đầu năm 2018 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất

đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh T cờ bạc, hai bên không còn quan tâm nhau. Do đó, đến tháng 9/2018 chị đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Tuy nhiên, sau khi nghe Tòa án giải thích, động viên thì chị đã rút đơn ly hôn, đồng ý cho anh T cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 04/10/2018. Sau đó, chị và anh T có về sống chung với nhau được khoảng 10 ngày nhưng anh T cũng không thay đổi và hai bên cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên từ giữa tháng 10/2018 chị đã ẵm con bỏ về nhà mẹ ruột để sinh sống. Đến nay, anh T cũng không tới lui thăm con và hai bên không còn quan tâm nhau, chị và anh T đã ly thân từ giữa tháng 10/2018 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Quá trình hôn nhân anh chị có một con chung tên Trần Đặng Ngọc Thiện, sinh ngày 27/10/2017. Hiện con chung đang sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn với anh T, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Anh Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thùy L đối với anh Trần Ngọc T. Về con chung: giao con chung tên Trần Đặng Ngọc Thiện, sinh ngày 27/10/2017 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Đặng Thùy L có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Ngọc T cư trú tại số 249/3 ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Xét thấy, đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Ngọc T đã được Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thái theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh T cưới nhau vào năm 2016 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/4/2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh T chung sống hạnh phúc tại địa chỉ số 249/3 ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nhưng sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau. Nên đến tháng 9/2018 chị L đã nộp đơn xin ly hôn với anh T nhưng sau đó chị L đã rút đơn, đồng ý cho anh T một cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, chị Linh và anh Thái vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng cũng như không tìm ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, trái lại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn nên chị L đã ẵm con về nhà mẹ ruột sinh sống từ giữa tháng 10/2018 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị L xác định không còn tình cảm với anh T và kiên quyết xin ly hôn với anh Thái, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt, điều đó cho thấy anh T đã bỏ mặc hôn nhân của anh chị cũng như từ bỏ cơ hội để hàn gắn đoàn tụ với chị L.

Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 12/3/2019 và biên bản làm việc ngày 27/3/2019 đều thể hiện hôn nhân giữa chị L và anh T thực tế là có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T cờ bạc nên hai bên thường xuyên cãi nhau. Và từ khi chị L về nhà mẹ ruột sinh sống thì anh T cũng không tới lui thăm con, hiện hai bên không còn quan tâm gì nhau.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Linh không yêu cầu anh T cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: Có một con chung tên Trần Đặng Ngọc Thiện, sinh ngày 27/10/2017, sau khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Thiện, sinh ngày 27/10/2017 còn dưới 36 tháng tuổi, từ khi chị L và anh T ly thân đến nay thì cháu Thiện do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Thiện phát triển bình thường. Mặt khác, từ khi chị L nộp đơn ly hôn đến nay anh T cũng không tới lui thăm con, điều đó cho thấy anh T đã bỏ mặc không quan tâm chăm sóc đến con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Thiện cho chị Đặng Thùy L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy

nhiên, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của chị Linh nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của chị L được chấp nhận nên chị Linh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 228, 262, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thùy L đối với bị đơn anh Trần Ngọc T. Cho chị Đặng Thùy L được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

Ghi nhận chị Đặng Thùy L không yêu cầu anh Trần Ngọc T cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Trần Đặng Ngọc Thiện, sinh ngày 27/10/2017 cho chị Đặng Thùy L được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Đặng Thùy L không yêu cầu anh Trần Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau này một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Đặng Thùy L chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001160 ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí.

Chị Đặng Thùy L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tam Phước, huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Ngọc Cẩm Sơn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mười **Phạm Thị Em** **Võ Ngọc Cẩm Sơn**

Hoäi Thaåm Nhaân daân **Thẩm phán – Chủ Tọa phiên Tòa**

Nguyeãn Quoác Tuaán